

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HSST

Ngày: 24/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái - Phó Giám đốc Trung tâm y tế huyện T
2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan - Phó Chủ tịch Hội nông dân huyện T

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2018/HSST ngày 11/9/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXXST-HS ngày 10/10/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Trần Đăng H, sinh năm 1996; tại: tỉnh B. Nơi cư trú: khu phố Xuân Giang 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; về hoạt động nhân thân: ngày 11.4.2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh B thời hạn 24 tháng, hiện đang chấp hành Quyết định tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh B và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Lê Thị P, sinh năm 1988; trú tại: thôn Bình Long, xã Phan Rí Thành, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn H, sinh năm 1992; trú tại: khu phố Minh Tân 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Trần Đăng H là người nghiện ma túy, khoảng 01 giờ 00 ngày 28.11.2017 H cất giấu trong người 01 van bẻ khóa dài 05cm màu trắng, 01 đầu hình lục giác dài 1,5cm đầu còn lại được mài dẹp mỏng và 01 thanh tròn hình chữ L bằng kim loại màu trắng dài 15cm, hai đầu lục giác, đi bộ lòng vòng ở thị trấn P tìm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng.

Đến khoảng 1 giờ 30 phút cùng ngày, H đến đoạn đường Quang Trung, thị trấn P nhìn thấy trước lò bánh mì **Í Òn** thuộc khu phố Giang Hải 3, thị trấn P, huyện T, có 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 86B2-29623 màu trắng đen không có người trong coi. H đi đến thấy xe mô tô biển số 86B2-29623 đã khóa cổ, H lấy van bẻ khóa chuẩn bị sẵn từ trước cắm vào ổ khóa xe bẻ khóa xe mô tô biển số 86B2-29623 để máy nổ chạy về Chợ Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình cất giấu. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày H chạy xe mô tô biển số 86B2-29623 đến nhà Huỳnh Văn H ở khu phố Minh Tân 2, thị trấn P, H T gặp Hiếu. H hỏi Hiếu có mua xe mô tô biển số 86B2-29623 không và nói: “xe mô tô của H bị mất giấy tờ bán với giá 2.000.000 đồng”, Hiếu không biết đây là tài sản do H trộm cắp mà có nên đồng ý mua và đưa cho H 1.800.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra, Lê Thị P đã trình báo toàn bộ sự việc cho Công an thị trấn P. Qua điều tra xác minh đến ngày 23.12.2017, Huỳnh Văn H đã tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 86B2-29623, 02 bình xe Sirius màu trắng. Nguyễn Trần Đăng H đã thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 86B2-29623 của Lê Thị P và tự nguyện giao nộp 01 van bẻ khóa dài 05cm màu trắng, 01 đầu hình lục giác dài 1,5cm đầu còn lại được mài dẹp mỏng và 01 thanh tròn hình chữ L bằng kim loại màu trắng dài 15cm, hai đầu lục giác, cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐG ngày 18.4.2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 chiếc xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius với dung tích 110, biển số 86B2-29623, có số khung: C6K0FY252666, số máy: 5C6K252667; hiện xe đã thay đổi màu sơn (đỏ đen) so với giấy đăng ký (trắng đen), trị giá: 21.300.000 đồng/chiếc x 60% = 12.780.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 76/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 10/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố bị cáo Nguyễn Trần Đăng H, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Đăng H phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đồng thời áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, để xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý tang vật chứng của vụ án: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 van bẻ khóa dài 05cm màu trắng, 01 đầu hình lục giác dài 1,5cm đầu còn lại được mài dẹp mỏng và 01 thanh tròn hình chữ L bằng kim loại màu trắng dài 15cm, hai đầu lục giác.

Bị cáo không nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó có cơ sở khẳng định các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ và hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 28.11.2017 Nguyễn Trần Đăng H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 86B2-29623, có giá trị 12.780.000 đồng của chị Lê Thị P. Vì vậy, bản cáo trạng số 76/CT/VKSTP-HS ngày 10/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố bị cáo Nguyễn Trần Đăng H, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Trần Đăng H là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thừa biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu sài mà không do sức lao động của mình làm ra, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 86B2-29623, có giá trị 12.780.000 đồng của chị Lê Thị P. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. nên cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, để bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật hình sự Việt Nam.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã hoàn trả lại cho Huỳnh Văn H 1.800.000 đồng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, có nhân thân không tốt, ngày 11.4.2018 bị Tòa án nhân dân huyện T ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh B thời

hạn 24 tháng, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để có đủ thời gian cai nghiện, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội đồng thời để bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật Nhà nước Xã hội chủ nghĩa.

[5] Về các tang vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Sau khi sự việc bị phát hiện Huỳnh Văn H đã tự nguyện giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius cho Công an, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe mô tô cho bị hại Lê Thị P theo quy định pháp luật, chị Phi không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

- Đối với hành vi mua tài sản của Huỳnh Văn H, do Hiếu không biết tài sản bị cáo trộm cắp mà có, nên không có hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo và gia đình bị cáo đã trả lại số tiền 1.800.000 đồng cho Huỳnh Văn H, anh Hiếu không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 van bẻ khóa dài 05cm màu trắng, 01 đầu hình lục giác dài 1,5cm đầu còn lại được mài dẹp mỏng, 01 thanh tròn hình chữ L bằng kim loại màu trắng dài 15cm, hai đầu lục giác, là công cụ dùng trong việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của pháp luật.

[7] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i. s khoản 1. khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Trần Đăng H, phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”

3. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trần Đăng H **10 (Mười) tháng tù**, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

4. Phần xử lý tang vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử: tịch thu tiêu hủy 01 van bẻ khóa dài 05cm màu trắng, 01 đầu hình lục giác dài 1,5cm đầu còn lại được mài dẹp mỏng; 01 thanh tròn hình chữ L bằng kim loại màu trắng dài 15cm, hai đầu lục giác (Vật chứng được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

5. Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/10/2018); người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Công an huyện
- Chi cục THA huyện;
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thạch